

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Trần Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Đặng Ngọc Long

ông Tô Văn Đức

***-Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 22/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2024/QĐXX-ST ngày 17/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2024/QĐ-ST ngày 17/7/2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 282/HNGĐ-ST ngày 22/7/2024, giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thùy D (vắng mặt).

Nơi đăng ký thường trú: số nhà I, đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Nơi cư trú: thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn

**\*Bị đơn:** anh Nguyễn Tuấn P, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Nơi đăng ký TT: số nhà I, đường Đ, phường T, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Hiện đang lao động tại nước ngoài.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 30/5/2024 nguyên đơn là chị Nguyễn Thùy D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Tuấn P1 khi đăng ký kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/12/2016 tại Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Bắc Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh P2 dâu và ở chung sống cùng gia đình anh P3 Năm 2021 anh P đã làm thủ tục sang Đài Loan lao động, sau đó năm 2022 chị cũng sang Đài Loan làm việc. Tuy nhiên, khi chị sang Đài Loan làm việc được 01 năm thì đầu năm 2023 công ty phá sản do khủng hoảng kinh tế vì vậy chị phải ra ngoài làm việc bất hợp pháp. Từ thời điểm đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm nên vợ chồng sống ly thân, anh P4 mọi liên lạc với chị, chị cũng không liên lạc được với anh P5 anh P6 động bất hợp pháp nên anh P7 ở đâu chị cũng không tìm được. Do chị cũng là lao động bất hợp pháp nên chị đã chủ động ra cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan đầu thú và được về Việt Nam từ ngày 28/5/2024. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm và liên lạc gì với nhau nữa, chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn P8

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T V, sinh ngày 11/10/2017. Hiện nay cháu đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P9 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc nên chị không tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh P được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các buổi làm việc, xét xử tại Tòa án.

*Bị đơn anh Nguyễn Tuấn P không có bản tự khai.*

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ anh Nguyễn Tuấn P là ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965, trú tại: số nhà I, đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông C thông báo cho anh P biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thùy D và anh Nguyễn Tuấn P yêu cầu anh P viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông C cung cấp địa chỉ cụ thể của anh P ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua làm việc ông C vẫn giữ nguyên quan điểm là anh P ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia

đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh P ở nước ngoài cho Tòa án, ông đồng ý thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh P biết để anh P gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh P gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thùy D vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Tuấn P vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị D; Biên bản làm việc với bố đẻ anh P là ông Nguyễn Văn C1 thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Nguyễn Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Tuấn P không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83, 84 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 150; khoản 2 Điều 479 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thùy D. Xử:

Về hôn nhân: cho chị Nguyễn Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Tuấn P

Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc T V, sinh ngày 10/11/2017 cho chị Nguyễn Thùy D là người trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do chị D không yêu cầu. Anh Nguyễn Tuấn P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

Về án phí: chị Nguyễn Thùy D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thùy D là nguyên đơn là người Việt Nam, hiện đang sống ở Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Nguyễn Tuấn P8 Bị đơn anh P là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang nhưng đang sống ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành làm việc với bố đẻ anh P là ông Nguyễn Văn C2 cầu ông C3 cấp địa chỉ cụ thể của anh P ở nước ngoài nhưng ông C4 không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh C cho Tòa án. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, căn cứ vào Điều 10 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử anh P10 thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: anh Nguyễn Tuấn P hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 12307/QLXNC-P3 ngày 17/6/2024 của Cục QBộ C1 thì anh P11 xuất cảnh ngày 05/5/2021 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam, địa chỉ cuối cùng của anh P ở Việt Nam là: số nhà I, đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp nuôi con” có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: chị Nguyễn Thùy D đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Tuấn P vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thùy D và anh Nguyễn Tuấn P có đăng ký kết hôn ngày 05/12/2016 tại Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Bắc Giang Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chị D1 P phát sinh mâu thuẫn, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P8

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thùy D đối với anh Nguyễn Tuấn P8 Hội đồng xét xử thấy: sau khi kết hôn chị D và anh P chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn. Đến năm 2021 anh P12 chị D2 đi nước ngoài lao động, kể từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay không còn liên lạc và quan tâm gì đến nhau nữa, vợ chồng độc lập về kinh tế, đến nay chị D3 nước vẫn không liên lạc được

với anh P8 Xét thấy tình cảm giữa chị D và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thùy D. Xử cho chị Nguyễn Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Tuấn P8

[5]. Về con chung: chị Nguyễn Thùy D và anh Nguyễn Tuấn P có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T V, sinh ngày 10/11/2017. Hiện nay cháu đang ở với chị D, ly hôn chị D đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P9 cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị D, Hội đồng xét xử thấy: hiện nay anh P13 lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh P từ khi đi nước ngoài thì cháu Nguyễn Ngọc T V vẫn do chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị D về nuôi con chung. Giao cho chị D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Ngọc T V, sinh ngày 10/11/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung.

Sau khi ly hôn anh P có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh P14 hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: do chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp anh P về Việt N có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về tài sản, công nợ: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: chị Nguyễn Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83, 84 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1.Về hôn nhân:** cho chị Nguyễn Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn P

**2.Về con chung:** giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 10/11/2017 cho chị Nguyễn Thùy D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Tuấn P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh P14 hiện quyền này.

**3.Về án phí:** chị Nguyễn Thùy D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001232 ngày 05/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. (Xác nhận chị Nguyễn Thùy D đã nộp đủ).

**4.Về quyền kháng cáo bản án:** chị Nguyễn Thùy D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Tuấn P hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

#### **Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử TATC;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**Trần Thị Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THÂM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tô Văn Đức Đặng Ngọc Long**

**Trần Thị Hà**

